

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 02-7-2020
V/v “tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;

Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thúy D, sinh năm 1982 (có đơn vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 16, Hẻm 8, đường N, Khu phố 6, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 21, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lương Thị Thảo S, sinh năm 1987 (vắng mặt).

- Bà Phan Thị H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 21, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị R trình bày:

Vào ngày 03/8/2019 tại nhà của Chị Nguyễn Thúy D, bà có cho Chị Lương Thị Thảo S vay số tiền 30.000.000 đồng. Giấy mượn nợ là mẫu do bà cung cấp, về phần chữ viết toàn bộ là do chị S viết có Bà Phan Thị H và chị D ký bảo lãnh. Giấy nợ chỉ được lập 01 bản do bà giữ. Đến ngày 10/6/2019 bà cho chị S vay thêm số tiền 20.000.000 đồng; ngày 18/8/2019 chị S vay thêm số tiền 40.000.000 đồng; ngày 24/8/2019 bà tiếp tục cho chị S vay thêm số tiền 20.000.000 đồng. Tất cả 03 lần vay thêm tiền, bà giao tiền cho chị S tại nhà của chị S và bà đưa giấy mượn nợ của ngày 03/8/2019 cho chị S viết thêm nội dung vay tiền vào.

Tại Giấy mượn nợ thể hiện ngày vay là 03/6/2019 và ngày 05/6/2019, vào ngày 03/6/2019 tại nhà của chị D, bà cho chị S vay số tiền 20.000.000 đồng, nội dung vay tiền do chị S viết và chị D cùng bà H ký tên với tư cách là bên bảo lãnh. Đến ngày 05/6/2019, tại nhà chị S có sự chứng kiến của bà H, chị S trả cho bà được 5.000.000 đồng, chị S còn nợ lại bà 15.000.000 đồng nên chị S ghi lại nội dung có mượn của bà số tiền 15.000.000 đồng.

Tại giấy mượn nợ thể hiện ngày vay 21/10/2019 cũng tại nhà chị S, bà tiếp tục cho chị S vay thêm số tiền 10.000.000 đồng để chuộc xe. Lần vay này, bà chỉ cho riêng chị S vay, không có chị D và bà H ký bảo lãnh. Nên bà chỉ yêu cầu một mình chị S có nghĩa vụ trả tiền cho bà.

Bà cho chị S vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Về thời hạn vay, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn 01 tuần. Mục đích chị S vay tiền của bà tại 02 giấy mượn nợ đầu là để mua bán trái cây. Lý do bà cho chị S vay thêm tiền là do chị S nói để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đem thế chấp tại ngân hàng để vay tiền trả cho bà. Do tin tưởng nên bà đã cho chị S vay tiền. Nhưng sau đó, chị S chưa tách được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không trả được cho bà số tiền vay gốc và lãi nào.

Nay bà khẳng định trước khi bà giao tiền cho chị S, bà đều gọi điện thoại thông báo cho chị D biết và được chị D đồng ý. Đối với bà H thì tại các lần vay thêm tiền bà giao tiền cho chị S tại nhà của chị S và bà H nên cả chị S và bà H đều đếm tiền. Bà và bà H thỏa thuận miệng với nhau là bà H tiếp tục bảo lãnh cho chị S. Do đó, tất cả các lần vay thêm tiền sau, bà không lập giấy nợ mới để cho chị D và bà H ký tên bảo lãnh mà cho chị S viết thêm vào giấy nợ của ngày 03/8/2019, xem như chị D và bà H đã bảo lãnh cho chị S.

Ngày 04/4/2020 (dương lịch), chị D đã trả cho bà được 30.000.000 đồng trong tổng số tiền 125.000.000 đồng mà chị D và bà H đã bảo lãnh cho chị S. Số tiền này chị D trả trực tiếp cho bà, hai bên không làm giấy tờ.

Nay bà chỉ yêu cầu chị D cùng chị S và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc còn nợ lại là 95.000.000 đồng, không tính lãi. Và yêu cầu một mình chị S có nghĩa vụ trả nợ cho bà số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn – Chị Nguyễn Thúy D trình bày:

Vào ngày 03/8/2019 tại nhà của chị, Bà Nguyễn Thị R có cho Chị Lương Thị Thảo S vay 30.000.000 đồng. Về mẫu giấy mượn nợ là do bà R cung cấp, toàn bộ phần chữ viết là của chị S, có Bà Phan Thị H là mẹ của chị S và chị ký bảo lãnh. Giấy nợ chỉ được lập 01 bản do bà R giữ. Theo giấy mượn nợ, đến ngày 10/6/2019 chị S vay thêm 20.000.000 đồng; ngày 18/8/2019 vay 40.000.000 đồng và ngày 24/8/2019 vay 20.000.000 đồng. Tất cả 03 lần vay thêm tiền này, bà R và chị S trực tiếp giao dịch với nhau, bà R không thông báo cho chị nên chị không biết. Nên việc bà R trình bày tại các lần bà R cho chị S vay thêm tiền, bà R đều gọi điện thoại thông báo cho chị biết là hoàn toàn không có.

Tại Giấy mượn nợ thể hiện ngày vay là 03/6/2019 và 05/6/2019 thì vào ngày 03/6/2019 cũng tại nhà của chị, bà R cho chị S vay số tiền 20.000.000 đồng, nội dung vay tiền do chị S viết và chị cùng bà H ký tên với tư cách là bên bảo lãnh. Nay bà R trình bày, đối với số tiền bảo lãnh này đến ngày 05/6/2019 tại nhà chị S có sự chứng kiến của bà H, chị S đã trả cho bà R được số tiền 5.000.000 đồng nên còn nợ lại bà R 15.000.000 đồng và chị đồng ý bảo lãnh số tiền còn nợ lại này.

Đối với giấy mượn nợ thể hiện ngày vay 21/10/2019, tại thời điểm cho vay bà R có gọi điện thoại thông báo cho chị biết là chị S yêu cầu vay thêm tiền. Chị có nói với bà R là chị S khó khăn nên nói bà R cho mượn đi, nhưng chị không bảo lãnh. Nay bà R xác định chỉ một mình chị S vay số tiền 10.000.000 đồng và chỉ yêu cầu chị S trả thì chị không có ý kiến.

Ngày 04/4/2020 chị đã trả được cho bà R 30.000.000 đồng trong số tiền 45.000.000 đồng mà chị đã bảo lãnh cho chị S, nên nay chị chỉ đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà H và chị S trả cho bà R số tiền 15.000.000 đồng. Các khoản vay còn lại với số tiền 80.000.000 đồng do bà R và chị S tự giao dịch với nhau, nên chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Lương Thị Thảo S và Bà Phan Thị H:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Chị Lương Thị Thảo S và Bà Phan Thị H không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà R nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Tòa án xác định Chị Lương Thị Thảo S và Bà Phan Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, mà phải xác định chị S và bà H là bị đơn trong vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị R. Buộc Chị Nguyễn Thúy D có nghĩa vụ liên đới cùng Bà Phan Thị H và Chị Lương Thị Thảo S trả cho bà R số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng; Chị Lương Thị Thảo S có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 21, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thúy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Phan Thị H và Chị Lương Thị Thảo S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, chị S và bà H.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi của Bà Nguyễn Thị R thì thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, bà R và Chị Nguyễn Thúy D đều thừa nhận: Số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 03/8/2019 và số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 03/6/2019 tại nhà của chị D, bà R cung cấp cho Chị Lương Thị Thảo S mẫu giấy mượn nợ, nội dung vay tiền là do chị S viết, có chị D và Bà Phan Thị H ký bảo lãnh. Ngày 5/6/2020, chị S đã trả được cho bà R 5.000.000 đồng trong số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 03/6/2019. Ngày 04/4/2020, chị D trả cho bà R 30.000.000 đồng trong số tiền chị D đã bảo lãnh cho chị S vay. Tuy nhiên, chị D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà R, vì chị cho rằng chị chỉ bảo lãnh cho chị S vay của bà R tổng cộng 50.000.000 đồng của hai lần vay, khấu trừ số tiền chị S và chị đã trả cho bà R, nên chị chỉ đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà H và chị S trả cho bà R số tiền 15.000.000 đồng còn lại mà chị đã bảo lãnh cho chị S.

[2] Thấy rằng, tại giấy mượn nợ (bút lục 41) thể hiện có 03 lần vay thêm tiền, cụ thể: Ngày 10/6/2019 vay 20.000.000 đồng; ngày 18/8/2019 vay 40.000.000 đồng và ngày 24/8/2019 vay 20.000.000 đồng. Đối với 03 lần vay thêm tiền này thì bà R trình bày, bà không giao giấy nợ mới cho chị S viết mà giao giấy nợ của ngày 03/8/2019 cho chị S viết thêm nội dung vay thêm tiền vào

và giao tiền cho chị S tại nhà của chị S và bà H. Trước khi bà giao tiền cho chị S, bà đều gọi điện thoại thông báo cho chị D biết nên bà không yêu cầu chị D ký bảo lãnh tại các lần chị S vay thêm. Nhưng phía chị D không thừa nhận.

[3] Đối với bà H thì tại các lần bà cho chị S vay thêm tiền, bà không yêu cầu bà H ký bảo lãnh, nhưng giữa bà và bà H có thỏa thuận miệng với nhau là bà H tiếp tục bảo lãnh cho chị S.

[4] Xét thấy, bà R chỉ trình bày miệng, không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc chị D và bà H có bảo lãnh cho chị S vay thêm số tiền của 03 lần vay là 80.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của chị D là có cơ sở chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà R trình bày: Tất cả phần nội dung viết thêm của 03 lần vay thêm tiền trong giấy mượn nợ ngày 03/8/2019 là do chị S viết và bà không còn giữ giấy tờ gì có chữ viết của chị S nên bà không yêu cầu giám định. Nếu Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tiến hành giám định thì bà đồng ý. Phía chị S, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị S, nhưng chị S không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà R. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tiến hành giám định chữ viết của chị S nên vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[6] Về phần thời gian vay tiền và ngày mượn tiền thể hiện có việc sửa chữa, bà R trình bày: Các phần sửa về thời gian là do chị S viết sai nên tự sửa lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà R và chị D đã thống nhất về thời gian vay và bà R cũng không yêu cầu tính lãi suất, do đó không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên không xem xét.

[7] Về số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 21/10/2019, bà R chỉ yêu cầu một mình chị S có nghĩa vụ trả cho bà. Thấy rằng, đây là yêu cầu có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ chị D trình bày tại thời điểm bà R cho chị S vay số tiền này thì bà R có gọi điện thoại thông báo cho chị biết.

[8] Về ý kiến xác định tư cách tham gia tố tụng của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thì thấy rằng: Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 thì người bị bà R khởi kiện là Chị Nguyễn Thúy D và bà R xác định Chị Lương Thị Thảo S và Bà Phan Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định người bị kiện (bị đơn) trong vụ án chỉ riêng Chị Nguyễn Thúy D. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận với ý kiến này của Đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R về việc yêu cầu Chị Nguyễn Thúy D và Bà Phan Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng Chị Lương Thị

Thảo S trả tiền cho bà R.

[11] Về án phí: Chị Nguyễn Thúy D, Chị Lương Thị Thảo S và Bà Phan Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 335, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R.

Buộc Chị Nguyễn Thúy D cùng Bà Phan Thị H và Chị Lương Thị Thảo S có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền vay gốc 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, không tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R về việc: Buộc Chị Nguyễn Thúy D và Bà Phan Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng Chị Lương Thị Thảo S trả cho bà R số tiền vay gốc 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Buộc Chị Lương Thị Thảo S có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền vay gốc 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thúy D, Bà Phan Thị H và Chị Lương Thị Thảo S có nghĩa vụ liên đới chịu 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lương Thị Thảo S phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị R được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006475 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng